

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HSST
Ngày 15-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Cường

2. Ông Bùi Văn Bửu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/HSST ngày 24/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HS ngày 03/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Ngọc T (Tên gọi khác: Đỗ Xuân T), sinh năm 1998 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Đỗ Xuân K (đã chết) và bà Lê Thị Y; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/6/2020 theo quyết định truy nã, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cư Jút - Có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Minh S (Tên gọi khác: Hoàng Thành S) sinh ngày 24/3/2001.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Anh Vi Văn T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn B, xã U, huyện P, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Chị Hà Thị Th, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 11/02/2017, bị cáo Đỗ Ngọc T cùng với Vi Văn T2, Vi Văn Đ, Nguyễn Văn Q, Bùi Văn C, Vi Văn Đ1 đang ngồi chơi tại khu vực bồn nước trước Đồn Công an E, Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông thì nhìn thấy Bùi Đình T1 điều khiển xe mô tô chở Trần Minh S (SN: 24/3/2001), Hà Thị Th. Do Th là bạn gái cũ của T nên T bực tức rủ T2, Đ, Q, C, Đ2 chặn đánh thì tất cả đồng ý. Sau đó, tất cả cùng tìm hung khí để chặn đánh, trong đó T lấy 01 thanh kiếm bằng kim loại của T để ở trên xe mô tô T mượn đi. Sau khi có hung khí thì T dẫn Đ, T2, C, Đ1, Q đến ngã ba U để đợi đánh S và T1. Tại đây, do đã uống nhiều rượu nên T vào vườn cao su để ới, T nói Đ, T2, C, Đ1, Q đứng tại ngã ba đầu đường đi D, khi nào thấy xe máy của T1 và S thì báo cho T biết. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ phát hiện ra xe của T1 và S thì hô lên “Anh T ơi! Bọn con Th kia”, cùng lúc T2, Đ1, C, Q cùng hô lên cho T biết. Lúc này, T1 đang điều khiển xe về hướng Thôn M, xã E thì T chạy ra chặn giữa đường, đứng đối diện với xe mô tô của T1, hai tay dang ra hai bên, tay phải của T cầm thanh kiếm. T1 điều khiển xe mô tô chạy về phía bên phải của T để tránh thì bị T cầm kiếm chém 01 phát từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào khuỷu tay phải của S. T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô chạy về hướng Thôn M, xã E thì bị cả nhóm Thiện đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Sau đó, S được T1 đưa đến Trạm y tế xã E băng bó vết thương rồi được người nhà đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk để điều trị.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đỗ Ngọc T bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 12/6/2020 thì bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại màu trắng dài 67cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, đường kính 2cm, dài 20cm, lưỡi kiếm bản dẹt kích thước (47 x 4)cm; 01 (một) thanh kiếm dài 60cm, cán bằng nhựa màu đen dài 4cm, lưỡi kiếm là kim loại màu trắng, bản dẹt kích thước (56 x 3,5)cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi kiếm được quấn bằng dây cao su màu đen; 01 (một) thanh kim loại màu trắng hình trụ tròn được cấu tạo bởi 02 đoạn, có thể kéo ra và thụt vào được, có tổng chiều dài 49,5cm. Phần thứ nhất dài 25,5cm, đường kính 2,5cm. Phần thứ 2 dài 24cm, gồm 02 đoạn, một đoạn dài 16,5cm, đường kính 05cm liên kết một đoạn dài 7,5cm, đường kính 1,2cm bằng ren xoắn; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 63cm, cán dài 20cm được làm bằng hộp kẽm (02 x 04)cm, lưỡi kiếm màu vàng rỉ sét kích thước (23 x 4)cm, đầu lưỡi kiếm được vát nhọn; 01 (một) thanh kiếm dài 58cm làm bằng kim loại, cán kim loại màu trắng hình trụ tròn dài 13cm, đường kính 2,5cm, lưỡi kiếm dẹt kích thước (45 x 4)cm, đầu lưỡi kiếm được cắt vát nhọn;

Đối với các vật chứng thu giữ trên gồm: 01 thanh kiếm dài 60cm, 01 thanh kim loại màu trắng hình trụ tròn, 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 63cm, 01 thanh kiếm

dài 58cm là các hung khí sử dụng vào mục đích phạm tội, đã được xử lý tại Bản án số 02/2018/HSST ngày 26/01/2018 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.

Đối với xe mô tô Đỗ Ngọc T sử dụng vào đêm ngày 11/02/2017 là xe do T mượn của một người đàn ông tên T3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người làm thuê cùng với T, khi mượn T nói sử dụng vào mục đích đi chơi nên Cơ quan CSĐT công an huyện Cư Jut không tiến hành thu giữ.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 742/PY-TgT ngày 06/6/2017 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Lắk, kết luận Trần Minh S bị vết thương căng tay đứt gân cơ duỗi chung các ngón, tỷ lệ thương tích 12% sức khỏe, vật tác động: vật sắc bén.

Bản Cáo trạng số: 30/CTr-VKS ngày 21/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jut đã truy tố bị cáo Đỗ Ngọc T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Đỗ Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jut truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như tại bản Cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo tội “Cố ý gây thương tích”; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại màu trắng dài 67cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, đường kính 2cm, dài 20cm, lưỡi kiếm bản dẹt kích thước (47 x 4)cm

Về trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý tại Bản án số 02/2018/HSST ngày 26/01/2018 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông và bị hại anh Trần Minh S không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại anh Trần Minh S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm cũng như không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Đối với hành vi của bị cáo, HĐXX xét thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 20 giờ ngày 11/02/2017, tại ngã ba P thuộc t Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, bị cáo Đỗ Ngọc T có hành vi dùng kiếm là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Trần Minh S, tỷ lệ thương tích là 12% (mười hai phần trăm) sức khỏe.

Hành vi nêu trên của bị can Đỗ Ngọc T đã phạm vào tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm...;

...

d) Đối với trẻ em...;

...

i) Có tính chất côn đồ ...;

...

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

Tuy nhiên đối chiếu với các quy định mới có lợi cho người phạm tội thấy tại Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm...;

...

c) Đối với người dưới 16 tuổi...;

...
i) Có tính chất côn đồ...;

...
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...
đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.
...”

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Nghị quyết 109/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 thì hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Ngọc T được xử lý theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để được áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn, cụ thể: Mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt cao nhất đến 07 năm tù; điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt cao nhất 06 năm tù. Như vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng, đã áp dụng đầy đủ quy định có lợi cho người phạm tội, vì vậy HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe con người, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại màu trắng dài 67cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, đường kính 2cm, dài 20cm, lưỡi kiếm bản dẹt kích thước (47 x 4) cm vì không còn giá trị sử dụng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý tại Bản án số 02/2018/HSST ngày 26/01/2018 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông và bị hại anh Trần Minh S không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Nghị quyết 109/2015/QH13; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 299 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc T (Tên gọi khác: Đỗ Xuân T) phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T 03 (Ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/6/2020.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Trách nhiệm dân sự đã được xử lý tại Bản án số 02/2018/HSST ngày 26/01/2018 của TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Án đã có hiệu lực pháp luật) và bị hại anh Trần Minh S không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

3. *Về xử lý vật chứng:* Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại màu trắng dài 67cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, đường kính 2cm, dài 20cm, lưỡi kiếm bản dẹt kích thước (47 x 4) cm.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút và Chi cục thi hành án dân sự huyện C ngày 26/01/2018).

4. *Về án phí:* Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Công an huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

LỘC THỊ VINH